

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 02 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dương.

Ông Tạ Thanh Bự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp x, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Lợi T, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Đ, thể hiện:**

Chị Đ và anh Huỳnh Lợi T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm với nhau với nhau. Từ nguyên nhân trên, chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, đến thời điểm này các đương sự có 01 con chung tên Huỳnh Như Th, sinh ngày 06/10/2009 do chị Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi Như Th, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi Như Th tròn 18 tuổi.

Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với anh Huỳnh Lợi T*: Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến gì về các nội dung khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Lợi T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Chị Trần Thị Đ và anh Huỳnh Lợi T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Theo chị Đ, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm với nhau với nhau; từ nguyên nhân trên, chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

Xét yêu cầu của chị Đ, thấy rằng: Hôn nhân của chị Đ và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, chị Đ yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh T đều vắng mặt, thể hiện việc anh T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đ ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung:

Xét yêu cầu của chị Đ về việc nuôi cháu Huỳnh Như Th phù hợp với nguyện vọng của Như Th trong khi đó anh T không có ý kiến về nội dung này nên đề nghị định cho việc chăm sóc, giáo dục thì việc giao Như Thảo cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Như Th tròn 18 tuổi. Xét thấy, với mức cấp dưỡng chị Đ đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật trong khi đó anh T không có ý kiến gì về nội dung này. Do vậy, để đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con sau khi ly hôn thì cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Như Th với mức 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng được thực hiện từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/02/2024) cho đến khi Như Th tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Chị Đ xác định không, anh T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ. Cho chị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Lợi T.

2. Về con chung:

Giao Huỳnh Như Th, sinh ngày 06/10/2009 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Như Th với mức 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng được thực hiện từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/02/2024) cho đến khi Như Th tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đ cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0000602 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì chị Đ đã nộp xong án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Khánh An, huyện U Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn